

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Marginal: Ban, Phòng, Khoa, Học, Trường

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên"

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập

Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21/6/2005 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp quản lý cho Đại học Thái Nguyên,

Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên ban hành theo

Quyết định số 3647/GD-ĐT ngày 10/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ

sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống

tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Ông Trưởng ban Ban Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên"

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản trước

đây quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại

học Thái Nguyên.

**Điều 3.** Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo, Trưởng các Ban

chức năng của Đại học Thái Nguyên, Hiệu trưởng các Trường thành viên và Trường

các Khoa trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: *Thư*

- Ban Giám đốc (để báo cáo);

- Như điều 3;

- Lưu DT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Hữu Công



**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoa đào tạo hệ chính quy ở trường Đại học Thái Nguyên (sau đây gọi là đơn vị đào tạo) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

**Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo; điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo; chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình. Giám đốc Đại học Thái Nguyên quy định một số nội dung trong chương trình đào tạo của toàn đại học như: Chuẩn đầu ra tiếng Anh, tin học, quy định một số môn học chung...

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, mục tiêu của học phần, mô tả tóm tắt nội dung học phần, các học phần tiên quyết (nếu có), học phần song hành, học phần học trước, cách đánh giá học phần, nội dung chính các chương mục, phân bố thời gian, các giáo trình, tài liệu tham khảo, điều kiện thi nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần... Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo do Thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt.

4. Khối lượng của mỗi chương trình không dưới 180 tín chỉ đối với khoa đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoa đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoa đại học



học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm. Việc mở ngành, chuyên ngành đào tạo phải thực hiện theo đúng các quy định của Đại học Thái Nguyên.

### **Điều 3. Học phần và Tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng được thực hiện theo quy định số 927/ĐHTN – ĐT ngày 22 tháng 9 năm 2008 về hướng dẫn mã môn học của Đại học Thái Nguyên.

2. Một số khái niệm liên quan đến học phần.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần tương đương và học phần thay thế

- Học phần tương đương là học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại đơn vị hoặc tại một đơn vị đào tạo khác thuộc Đại học Thái Nguyên được phép tích lũy để thay cho học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

- Học phần thay thế là học phần được sử dụng khi một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần tương đương hoặc thay thế phải được Thủ trưởng các đơn vị đào tạo phê duyệt trước khi bổ sung vào chương trình đào tạo. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

d) Học phần tiên quyết

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, nghĩa là khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

e) Học phần học trước



- Học phần A là học phần học trước của học phần B, nghĩa là khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.
- l) Học phần song hành
- Học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.
- g) Học phần đặc biệt
- Học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được xếp vào các học phần đặc biệt (không được tính tín chỉ tích lũy), việc đánh giá kết quả của các học phần này là điều kiện để xét tốt nghiệp theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Học phần Giáo dục quốc phòng được Đại học sắp xếp và giao kế hoạch cho từng đơn vị thành viên vào đầu mỗi năm học dựa vào kế hoạch đề nghị của các đơn vị và khả năng tiếp nhận của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng. Việc học lại học phần này (nếu có) do sinh viên đăng ký trực tiếp với Trung tâm Giáo dục Quốc phòng.
3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoa luận tốt nghiệp.
- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cả nhà.
- Thu tương các đơn vị đào tạo quy định việc tính số giờ giảng dạy của phần cho phù hợp với đặc điểm của đơn vị.
4. Thu tương các đơn vị đào tạo quy định việc tính số giờ giảng dạy của thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.
5. Một tiết học được tính bằng 50 phút
6. Tín chỉ học phí (TCHP) là đơn vị được sử dụng để xác định mức học phí cho mỗi học phần sinh viên đăng ký học. Số tín chỉ học phí phụ thuộc vào khối lượng và đặc thù của mỗi học phần. Số tín chỉ học phí của một học phần có thể khác số tín chỉ học tập của học phần đó. Học phí được xác định bằng tổng số tín chỉ học phí của các học phần mà sinh viên được xếp học trong học kỳ nhân với mức học phí/1 TCHP. Thu tương đơn vị đào tạo quy định mức tiền học phí trên một tín chỉ cho từng học phần và theo từng học kỳ tuần thu theo đúng các quy định hiện hành.



#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 8 giờ đến 20 giờ hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Các đơn vị đào tạo căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, trường phòng đào tạo chịu trách nhiệm sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

### **Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Các đơn vị đào tạo tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.
  - a) Khoá học là thời gian thiết kế chuẩn để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học được quy định như sau:
    - Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;
    - Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng



tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ 3 (học kỳ phụ hay học kỳ hè) để sinh viên có điều kiện được học lại; hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ 3 trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Thủ trưởng đơn vị dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế chuẩn cho chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

## **Điều 7. Đăng ký nhập học**

### **1. Đăng ký nhập học**

a) Hàng năm Đại học Thái Nguyên tổ chức tuyển sinh vào đại học, cao đẳng hệ chính quy qua kỳ thi tuyển sinh quốc gia. Thí sinh trúng tuyển phải làm các thủ tục nhập học theo hướng dẫn trong giấy báo nhập học của Đại học tại đơn vị đào tạo. Sau khi đã hoàn tất thủ tục nhập học, thí sinh trở thành sinh viên chính thức hệ chính quy tập trung thuộc một khóa-ngành đào tạo của đơn vị. Các đơn vị đào tạo không được tự ý thay đổi ngành đã trúng tuyển của sinh viên. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quy định.

b) Một số trường hợp đặc biệt được xem xét thu nhân vào hệ chính quy tập trung trên cơ sở các qui định cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Thái Nguyên gồm:

- Sinh viên trúng tuyển các chương trình đào tạo liên thông hệ chính quy;
- Sinh viên đang học ở nước ngoài có nguyên vọng và được giới thiệu về nước học tiếp;



a) Đầu khóa học, căn cứ vào đăng ký chọn chuyên ngành, điểm thi tuyển sinh, đơn vị đào tạo sắp xếp sinh viên vào các chuyên ngành đào tạo. Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyên vòng chọn chuyên ngành theo thứ tự ưu tiên. Thủ tục đăng đơn vị đào tạo quy định chi tiêu và tiêu chí cụ thể đối với từng chuyên ngành để sinh viên đăng ký.

phương pháp sau:

sắp xếp sinh viên vào các chuyên ngành đào tạo được thực hiện theo 1 trong 2 tạo phải công bố khai chi tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành đào tạo. Việc

2. Đối với các ngành có nhiều chuyên ngành, đầu khóa học các đơn vị đào tạo phải công bố khai chi tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành đào tạo. Việc phê duyệt, các đơn vị đào tạo sắp xếp lớp sinh viên cho thi sinh trúng tuyển theo thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm được Giám đốc Đại học Thái Nguyên

### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chuyên ngành hoặc ngành đào tạo**

1. Căn cứ vào danh sách trúng tuyển theo ngành (hoặc nhóm ngành) trong kỳ

phê duyệt, các đơn vị đào tạo sắp xếp lớp sinh viên cho thi sinh trúng tuyển theo

1. Căn cứ vào danh sách trúng tuyển theo ngành (hoặc nhóm ngành) trong kỳ phê duyệt, các đơn vị đào tạo sắp xếp lớp sinh viên cho thi sinh trúng tuyển theo

- Giáo viên chủ nhiệm (hoặc cố vấn học tập).

- Niêm giám (hoặc sổ tay sinh viên) là tài liệu chính thức giới thiệu cho sinh

- Các nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên;

- Kế hoạch đào tạo của khoa-ngành;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;

- Nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo;



2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng đào tạo của đơn vị. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

1. Đầu mỗi năm học, đơn vị đào tạo phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chuyên ngành trong từng học kỳ, danh sách, qui mô các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần. Toàn bộ thông tin trên sẽ được cung cấp cho sinh viên dưới nhiều hình thức: niên giám, sổ tay sinh viên, website của đơn vị, giáo viên chủ nhiệm, bảng tin...

### Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

- d) Nhóm thực hành: Không quá 50 sinh viên.
  - c) Nhóm thí nghiệm: Không quá 20 sinh viên.
  - b) Nhóm thảo luận: Không quá 60 sinh viên.
- Đối với các đơn vị có phòng học lớn và những môn học có tính đặc thù có thể xếp trên 120 sinh viên cho lớp học phần nhưng phải bố trí thêm giáo viên trợ giảng và các trang thiết bị phục vụ giảng dạy phải đảm bảo cho việc dạy và học.
- Không quá 60 sinh viên đối với các học phần Ngoại ngữ.
  - Không quá 120 sinh viên đối với đa số các học phần.
- a) Lớp học lý thuyết:

2. Số sinh viên tối đa cho mỗi lớp học phần phụ thuộc vào đặc thù ngành học và học phần.

1. Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần có thời khóa biểu, lịch thi và được gán một mã số riêng. Thủ trưởng các đơn vị quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong đơn vị. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyên sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

### Điều 9. Tổ chức lớp học

- b) Sau khi học từ 2 đến 4 học kỳ, căn cứ vào đăng ký nguyện vọng chọn chuyên ngành và kết quả học tập của sinh viên, đơn vị đào tạo sắp xếp sinh viên vào các chuyên ngành đào tạo.



b) Được giáo viên chủ nhiệm (có văn học tập) chấp thuận;

đơn vị;

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo hoặc khoa chuyên môn của

2. Điều kiện rút bớt học phần đã đăng ký:

1. Việc rút bớt học phần trong học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tuy theo điều kiện cụ thể của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị quy định thời hạn tối đa được rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

### Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

tiền quyết của từng học phần và tình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện

những sinh viên xếp hàng học lực bình thường ở các học kỳ chính và học kỳ phụ.

5. Các đơn vị quy định khối lượng tín chỉ được đăng ký học tập tối đa cho

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hàng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính.

phụ.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ

viên đang trong thời gian bị xếp hàng học lực yếu.

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh

viên được xếp hàng học lực bình thường;

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh

ky được quy định như sau:

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học

các hình thức đăng ký thích hợp.

Tuy điều kiện đào tạo của từng đơn vị, Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định

ky học thêm hoặc đăng ký học đối sang học phần khác khi không có lớp.

c) Đăng ký muốn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng

bất đầu học kỳ 2 tuần;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm

học kỳ từ 1 đến 2 tháng;

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu



1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Thủ trưởng đơn vị đào tạo xin nghỉ học

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hàng sinh viên về học lực.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học

trở lại vào trường hợp bị buộc thôi học.

b) Hàng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa

a) Hàng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

xếp hàng về học lực như sau:

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được

chuyên xếp hàng năm đào tạo.

định này, Thủ trưởng đơn vị quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức để

Tuy thuộc khối lượng của từng chương trình quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy

năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm, sinh viên năm thứ sáu.

xếp hàng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được

#### **Điều 14. Xếp hàng năm đào tạo và học lực**

chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

xin phép gửi trường khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn

#### **Điều 13. Nghỉ ốm**

đầu.

Thủ tục đăng ký học lại hoàn toàn giống như thủ tục đăng ký học phần lần

sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

điểm các học kỳ và trong bảng điểm tốt nghiệp. Kết quả cao nhất trong các lần học

đăng ký học lại để cải thiện điểm. Điểm của tất cả các lần học được ghi trong bảng

3. Đối với học phần đã có kết quả đạt điểm C hoặc D, sinh viên được phép

hoặc học đối sang học phần tự chọn tương đương khác.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó

ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó

#### **Điều 12. Đăng ký học lại**

viên phụ trách lớp học phần nhận giấy báo của phòng đào tạo.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy định này.



khảo 3 Điều 6 của Quy định này;

- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại đơn vị đào tạo quy định tại đơn vị đào tạo;
- a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của trường hợp sau đây:

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những đối tượng toàn khóa học.

liên tiếp. Quy định về cảnh báo kết quả học tập phải được công khai và không thay sinh viên và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 2 lần áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của Tuy theo đặc điểm của từng đơn vị, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chỉ học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Thủ trưởng đơn vị ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Thực quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học

xác nhận của cơ quan y tế;

b) Bị ốm, thai sản, hoặc tại nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:



kiến tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều

trong chương trình thứ nhất.

điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có

Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu

trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương

ky tiếp theo.

bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung

thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hàng học lực yếu;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình

chính ở chương trình thứ nhất;

a) Ngân đảo tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngân đảo tạo

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

thứ hai ở tại đơn vị đào tạo hoặc ở đơn vị đào tạo khác thuộc Đại học Thái Nguyên

quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo

### Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

được sự đồng ý của Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Thủ trưởng đơn vị tiếp nhận

trường hoặc chuyên sang chương trình giáo dục thường xuyên trong Đại học phải

được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Trường hợp chuyên

b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và

tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a,

chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên

Trường hợp tại đơn vị sinh viên vừa theo học hoặc tại đơn vị đào tạo khác có các

vì đào tạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, đơn

Thái Nguyên xem xét, quyết định.

d) Những trường hợp đặc biệt đơn vị đào tạo phải báo cáo Giám đốc Đại học

danh sách sinh viên của đơn vị đào tạo.

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hỏng hoặc nhờ người thi hộ theo quy

định tại khoản 2 Điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi



5. Điều kiện để các đơn vị đào tạo tổ chức học 2 chương trình trong Đại học Thái Nguyên là:

- a) Chương trình đào tạo phải được thiết kế đảm bảo liên thông ngang;
- b) Chương trình đào tạo và danh sách sinh viên học 2 chương trình phải được Giám đốc Đại học Thái Nguyên phê duyệt.

### **Điều 18. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
  - a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
  - b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

- c) Được sự đồng ý của Thủ trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;
- d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
  - a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
  - b) Sinh viên thuộc diện năm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

- c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
  - d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
3. Thủ tục chuyển trường:
- a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

- b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.



### **Chương III**

## **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

### **Điều 19. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

### **Điều 20. Tổ chức thi kết thúc học phần, điều kiện dự thi học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, đơn vị đào tạo tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

3. Điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần

a) Sinh viên phải đảm bảo trên 80% số giờ lên lớp của học phần kể cả lý thuyết và thảo luận mới được dự thi kết thúc học phần.

b) Danh sách sinh viên bị đình chỉ thi học phần (theo mẫu của đơn vị đào tạo) do giảng viên trực tiếp giảng dạy đề nghị có xác nhận của trưởng bộ môn và phải gửi tới văn phòng khoa trước ngày thi kết thúc học phần ít nhất 5 ngày, trưởng khoa có trách nhiệm duyệt danh sách đình chỉ thi và chuyển lên phòng đào tạo.



**Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Thủ tướng đơn vị đào tạo.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Thủ tướng đơn vị đào tạo duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Thủ tướng đơn vị đào tạo quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của đơn vị đào tạo, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng đào tạo đơn vị đào tạo chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Nhưng sinh viên này được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu đơn vị đào tạo có qui định).

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính sẽ được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ, sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

**Điều 22. Cách tính điểm danh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm danh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm danh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập



Trừ các trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn quan, được trường khoa chấp thuận.

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận.

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tại nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa cho phép;

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 phải nhận mức điểm F.

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

d) Đối với những học phần được đơn vị đào tạo cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

X Chưa nhận được kết quả thi.

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

C (5,5 - 6,9) Trung bình

B (7,0 - 8,4) Khá

A (8,5 - 10) Giỏi

a) Loại đạt:

phần, sau đó được chuyển thành chữ như sau:



Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực

$n$  là tổng số học phần.

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

Trong đó:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính

F tương ứng với 0

D tương ứng với 1

C tương ứng với 2

B tương ứng với 3

A tương ứng với 4

mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy,

### Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

đào tạo khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ đơn vị

viên học vượt.

giữa đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh

7. Kỳ hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

viên từ khoa chuyển lên.

phòng đào tạo của đơn vị đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà

được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.



sinh viên và xếp hàng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

#### Chương IV

#### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

##### Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khoa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khoa luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của đơn vị đào tạo. Đồ án, khoa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định khối lượng cụ thể phù hợp với yêu cầu đào tạo của trường.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khoa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Tùy theo điều kiện của đơn vị đào tạo và đặc thù của từng ngành đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định:

a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khoa luận tốt nghiệp:

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khoa luận tốt nghiệp;

c) Hình thức chấm đồ án, khoa luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; tách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoa luận tốt nghiệp.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoa luận tốt nghiệp, đơn vị đào tạo có thể bố trí thời gian làm đồ án, khoa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

##### Điều 25. Đánh giá đồ án, khoa luận tốt nghiệp

1. Tùy theo từng chương trình, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cách thức đánh giá đồ án, khoa luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoa luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đồ án, khoa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 22 của Quy định này. Điểm đồ án, khoa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.



3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp của đơn vị đào tạo do Thủ trưởng đơn vị hoặc Phó Thủ trưởng đơn vị được Thủ trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoa học

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

1. Sinh viên được đơn vị đào tạo xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

### **Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Nghệ thuật, Y tế, Thể dục – Thể thao, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của đơn vị.

### **Điều 26. Thực tập cuối khóa và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù**

3. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.



**Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hàng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoa học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

Bằng tốt nghiệp của sinh viên phải được công khai trên Website của đơn vị đào tạo.

2. Hàng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chương chi giáo dục quốc phòng và học phần giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về đơn vị đào tạo trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Đơn vị đào tạo. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này.



Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

#### Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

4. Để so sánh trong tuyển dụng, kết quả học tập toàn khóa của sinh viên đại học, cao đẳng giữa đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế được chuyển đổi tương đương theo hàng tốt nghiệp (theo hướng dẫn).

#### Chương VI

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN


#### Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở những quy định của quy định này, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và lộ trình tiến đến đào tạo theo hệ thống tín chỉ hoàn chỉnh, các đơn vị đào tạo xây dựng quy định cụ thể của đơn vị mình về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa và đào tạo liên thông.

2. Định kỳ các đơn vị đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, Thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo Giám đốc Đại học Thái Nguyên xem xét và giải quyết.



- 
- 1, Suy tim ✓
  - 2, Huyết áp Quai ✓
  - 3, Xét đđ Tia ✓
  - 4, Xét đđ Ngón tay ✓
  - 5, Xét đđ ✓